

Số: 2907 /TB-BVTD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

**Kết quả Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giờ) năm 2025
lần 1 (Mua sắm gấp) đợt 2
thuộc kế hoạch Mua sắm thuốc năm 2025**

Căn cứ Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2004 của UBND TP. HCM về việc cho phép đổi tên Bệnh viện Phụ Sản TP. HCM thành Bệnh viện Từ Dũ trực thuộc Sở Y tế TP. HCM và quy định chức năng, nhiệm vụ của Bệnh viện Từ Dũ;

Căn cứ Quyết định số 4295/QĐ-SYT ngày 20/11/2025 của Sở Y tế TP. HCM về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Từ Dũ trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Khoản 2 Điều 1, Khoản 31 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 06 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công;

Căn cứ Điều 49 Nghị định 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật bảo hiểm y tế;

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Công văn số 390/BHXXH-CĐBHYYT ngày 24/10/2025 của Bảo hiểm xã hội TP.HCM về việc mua sắm theo Điều 49, Nghị định 188/NĐ-CP đối với cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Công văn số 6501/SYT-NVD ngày 05/11/2025 của Sở Y tế TP.HCM về việc mua sắm thuốc cho công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Từ Dũ (cơ sở 2);

Căn cứ Kết luận Biên bản họp Hội đồng thuốc và điều trị ngày 04/11/2025;

Căn cứ Quyết định số 3261/QĐ-BVTD ngày 06/11/2025 của Bệnh viện Từ Dũ phê duyệt kế hoạch Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giờ) năm 2025 lần 1 (Mua sắm gấp);

Căn cứ Quyết định số 3410 /QĐ-BVTD ngày 26 /11 /2025 của Bệnh viện Từ Dũ phê duyệt kết quả Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giờ) năm 2025 lần 1 (Mua sắm gấp) đợt 2 thuộc kế hoạch Mua sắm thuốc năm 2025.

Bệnh viện Từ Dũ thông báo kết quả Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giờ) năm 2025 lần 1 (Mua sắm gấp) đợt 2 thuộc kế hoạch Mua sắm thuốc năm 2025 như sau:

1. Thông tin về Kế hoạch mua sắm:

- Tên kế hoạch: Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giò) năm 2025 lần 1 (Mua sắm gấp) thuộc kế hoạch Mua sắm thuốc năm 2025.

- Hình thức mua sắm: Bệnh viện tự quyết định (Theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 1, khoản 31 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15 và Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế).

- Nguồn vốn: Nguồn quỹ bảo hiểm y tế; Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; Các nguồn thu hợp pháp khác.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Danh sách công ty, các sản phẩm thuốc mua sắm đợt 2:

- Tổng số mặt hàng mua sắm đợt 2: 167/664 mặt hàng

- Tổng giá mua sắm đợt 2: 3.528.623.641 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ năm trăm hai mươi tám triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi một đồng)

Danh mục chi tiết theo phụ lục đính kèm.

- Danh sách công ty mua sắm và hoàn thiện, ký kết hợp đồng:

STT	Tên công ty mua sắm
1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN NAM
3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
6	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
7	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEDBOLIDE
8	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC
9	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚC LONG
10	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI
11	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
12	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG I - PHÁRBACO
13	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
14	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
15	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
16	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
17	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
18	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM
19	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
20	CÔNG TY CP DP AGIMEXPHARM
21	CÔNG TY CP DƯỢC MEDIPHARCO
22	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
23	CÔNG TY CPDP KHƯƠNG DUY
24	CÔNG TY CPDP NAM HÀ
25	CÔNG TY CPTM DƯỢC PHẨM PVN

26	CÔNG TY TNHH DP ATIPHARM
27	CÔNG TY TNHH DP NHẤT ANH
28	CÔNG TY TNHH DP PHÚ PHI
29	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN NHÂN
30	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM FITO PHARMA
31	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
32	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD
33	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THỂ ANH
34	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRƯỜNG KHANG
35	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
36	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐÔNG
37	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y.A.C
38	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THÁI
39	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN
40	CÔNG TY TNHH SK QUỐC TẾ
41	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HELIOS
42	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ HÙNG THỊNH
43	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ NHÂN TRUNG
44	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH MỸ

3. Đề nghị đại diện hợp pháp của công ty tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Bệnh viện Từ Dũ theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: Từ ngày 27 / 11 /2025, tại địa điểm khoa Dược – Bệnh viện Từ Dũ, 284 Cống Quỳnh, Phường Bến Thành, TP.HCM.
- Thời gian ký kết hợp đồng: Từ ngày 28 / 11 /2025, tại địa điểm khoa Dược – Bệnh viện Từ Dũ, 284 Cống Quỳnh, Phường Bến Thành, TP.HCM (số điện thoại 028.3952.6568 (294)), gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Danh sách công ty;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Trần Ngọc Hải

PHỤ LỤC
Kết quả Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Tử Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giuộc) năm 2025 lần 1 (Mua sắm gấp) đợt 2
(Kèm theo Thông báo số 290/TB-BVTD ngày 26 tháng 11 năm 2023 của Bệnh viện Tử Dũ)

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
1	L-Alanin, L-Arginin, Amino-acetic acid (Glycine), L-Histidin, L-Isoleucin, L-Leucin, L-Lysin monooacetat (tương đương L-Lysin), L-Methionin, L-Phenylalanin, L-Prolin, L-Serin, L-Threonin, L-Tryptophan, L-Valin, Acetyl/cystein (tương đương L-Cystein), L-Malic acid, Acid acetic (acid acetic băng)	Nephrosteril	L-Alanin 1,575g, L-Arginin 1,225g, Amino-acetic acid (Glycine) 0,80g, L-Histidin 1,075g, L-Isoleucin 1,275g, L-Leucin 2,575g, L-Lysin monooacetat 2,5025g (tương đương 1,775g L-Lysin), L-Methionin 0,70g, L-Phenylalanin 0,95g, L-Prolin 1,075g, L-Serin 1,125g, L-Threonin 1,20g, L-Tryptophan 0,475g, L-Valin 1,55g, Acetyl/cystein 0,125g (tương đương 0,0925g L-Cystein), L-Malic acid 0,375g, Acid acetic 99% (acid acetic băng) 0,345g	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Chai	Thùng 10 chai 250ml	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	VN-17948-14	Nhóm 1	102.000	10	1.020.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỀU TRUNG ƯƠNG 2
2	Albumin người	FLEXBUMIN 20%	10g/50ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	Túi	Hộp 1 túi nhựa GALAXY x 50ml	Baxalta US Inc.	Mỹ	QLSP-0750-13	Nhóm 1	700.000	5	3.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỀU TRUNG ƯƠNG 2
3	Indapamide 1,5mg, Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate) 5mg	Narixam 1,5mg/5mg	1,5mg; 5mg	Viên giải phóng kiểm soát	Uống	Viên	Hộp 6 vỉ x 5 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	300110029823	Nhóm 1	4.987	24.900	124.176.300	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỀU TRUNG ƯƠNG 2
4	Budesonid	Pulmicort Respules	1mg/2ml	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Hít/Đường hô hấp	Ống	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	AstraZeneca AB	Thụy Điển	730110131924	Nhóm 1	24.906	435	10.834.110	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỀU TRUNG ƯƠNG 2
5	Bupivacaine hydrochloride (tương đương với Bupivacaine hydrochloride monohydrate)	Marcaïne Spinal Heavy	5mg/ml	Dung dịch tiêm tủy sống	Tiêm tủy sống	Ống	Hộp 5 ống x 4ml	Cenexi	France	300114001824	Nhóm 1	41.600	10	416.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỀU TRUNG ƯƠNG 2

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
6	Cefaroline fosamil (dưới dạng Cefaroline fosamil acetic acid solvate monohydrate)	Zinforo	600mg	Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Hộp 10 lọ	CSSX: ACS Dobfar S.p.A.; CSDG cấp 1, cấp 2 và xuất xưởng: ACS Dobfar S.p.A.	CSSX: Ý; CSDG cấp 1, cấp 2 và xuất xưởng: Ý	800110144223	Nhóm 1	596.000	5	2.980.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
7	Ceftazidime (dưới dạng ceftazidim pentahydrate) ; Avibactam (dưới dạng avibactam sodium)	Zavicefta	2g; 0,5g	Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Hộp 10 lọ	CSSX:ACS Dobfar S.P.A.; CS Trộn bột trung gian: ACS Dobfar S.P.A	CSSX: Ý; CS Trộn bột trung gian: Ý	800110440223	Nhóm 1	2.772.000	5	13.860.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
8	Clarithromycin	Klacid	125mg/5ml/ Hộp 60ml	Cốm pha hỗn dịch uống	Uống	Lọ	Hộp 1 lọ 60ml	PT. Abbott Indonesia	Indonesia	899110399323	Nhóm 5	103.140	15	1.547.100	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
9	Dydrogesterone	Duphaston	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 1 vỉ x 20 viên	Abbott Biologicals B. V	Hà Lan	870110067423	Nhóm 1	8.888	140	1.244.320	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
10	Ertapenem (dưới dạng Ertapenem natri) 1g	Invanz	1g	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp	Lọ	Hộp 1 Lọ 15 ml chứa 1g Ertapenem	Fareva Mirabel	Pháp	VN-20315-17	Nhóm 1	552.421	10	5.524.210	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
11	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesii trihydrate)	Nexium	10mg	Cốm kháng dịch dạ dày để pha hỗn dịch uống	Uống	Gói	Hộp 28 gói	AstraZeneca AB	Thụy Điển	VN-17834-14	Nhóm 1	22.456	680	15.270.080	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
12	Fluticasone propionate	Flixotide Evohaler	125mcg/ liều xịt	Thuốc xịt dạng phun mù định liều (dung dịch hít qua đường miệng)	Xịt qua đường miệng	Bình xịt	Hộp 1 bình xịt 120 liều	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	VN-16267-13	Nhóm 1	106.462	80	8.516.960	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
13	Alanin, Arginin, Acid aspartic, Cystein, Acid glutamic, Glycin, Histidin, Isoleucin, Leucin, Lysin (dưới dạng Lysin monohydrat), Methionin, Phenylalanin, Prolin, Serin, Taurin, Threonin, Tryptophan, Tyrosin, Valin	Vaminolact	100ml dung dịch chứa: Alanin 630mg, Arginin 410mg, Acid aspartic 410mg, Cystein 100mg, Acid glutamic 710mg, Glycin 210mg, Histidin 210mg, Isoleucin 310mg, Leucin 700mg, Lysin 360mg (dưới dạng Lysin monohydrat), Methionin 130mg, Phenylalanin 270mg, Prolin 560mg, Serin 380mg, Taurin 30mg, Threonin 360mg, Tryptophan 140mg, Tyrosin 50mg, Valin 360mg	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	Chai thủy tinh 100ml, Thùng 10 chai 100 ml	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	VN-19468-15	Nhóm 1	135.450	25	3.386.250	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
14	Lactulose	Duphalac	10g/15ml	Dung dịch uống	Uống	Gói	Hộp 20 gói x 15ml	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	870100067323	Nhóm 1	5.600	605	3.388.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
15	Lamotrigine	Lamictal 25mg	25mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Delpharm Poznań S.A.	Ba Lan	590110019125 (VN-22149-19)	Nhóm 1	4.900	100	490.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
16	Lidocain; Prilocain	Emla	Mỗi tuýp 5g kem chứa: Lidocain 125mg; Prilocain 125mg	Kem bôi	Bôi ngoài da	Tuýp	Hộp 5 tuýp x 5 gam	Recipharm Kariskoga AB	Thụy Điển	VN-19787-16	Nhóm 1	44.545	10	445.450	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
17	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Solu-Medrol	500mg	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm/trau yễn tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Hộp 1 lọ bột đông khô 500mg và 1 lọ dung môi pha tiêm 7,8ml	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bi	540110032623	Nhóm 1	207.579	15	3.113.685	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
18	Dầu đậu nành tinh chế; triglycerid mạch trung bình; dầu oliu tinh chế; dầu cá tinh chế	Smoflipid 20%	(6g; 6g; 5g; 3g)/100ml	Nhũ tương tiêm truyền	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tiêm tĩnh mạch trung tâm	Chai	Thùng 10 chai 100 ml	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	VN-19955-16	Nhóm 1	100.000	30	3.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
19	Nhũ tương dầu đậu nành	Lipovenoes 10% PLR	10% 250ml	Nhũ tương tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Thùng 10 chai 250ml	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	900110782324	Nhóm 1	100.000	5	500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPVK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
20	Dầu đậu nành tinh chế; triglycerid mạch trung bình; dầu oliu tinh chế; dầu cá tinh chế	SMOFlipid 20%	(6g; 6g; 5g; 3g)/100ml	Nhũ tương tiêm truyền	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Thùng 10 chai 100 ml	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	VN-19955-16	Nhóm 1	100.000	10	1.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
21	Dầu đậu nành tinh chế; triglycerid mạch trung bình; dầu oliu tinh chế; dầu cá tinh chế	SMOFlipid 20%	(15g + 15g + 12.5g + 7.5g)/250ml	Nhũ tương tiêm truyền	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Thùng 10 chai 250 ml	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	VN-19955-16	Nhóm 1	150.000	15	2.250.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
22	Nifedipin 30mg	Nifedexal 30 LA	30mg	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Lek Pharmaceuticals d.d. (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Lek Pharmaceuticals d.d. (Địa chỉ: Trilini 2D, 9220 Lendava, Slovenia))	Slovenia	38311000050	Nhóm 1	3.019	50	150.950	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
23	Oxcarbazepine	Trileptal	60mg/ml	Hỗn dịch uống	Uống	Chai	Hộp 1 chai 100ml với 1 ống uống 1ml	Delpharm Humingue SAS	Pháp	VN-22666-20	Nhóm 1	219.996	170	37.399.320	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
24	Perindopril (tương ứng 7mg perindopril arginine) 4,756 mg; Amlodipine (tương ứng với 6,935mg Amlodipine besylate) 5mg	Viacoram 7mg/5mg	7mg; 5mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 1 lọ x 30 viên	Servier (Ireland) Industries Ltd	Áilen	VN3-47-18	Nhóm 1	6.589	20.000	131.780.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
25	Perindopril arginine (tương ứng với 3,395mg perindopril) 5 mg	Coversyl 5mg	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp, 1 lọ chứa 30 viên nén bao phim	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	VN-17087-13	Nhóm 1	5.028	15.600	78.436.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
26	Piperacilin (dưới dạng Piperacilin natri); Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri)	Piperacilin/Tazo bactam Kabi 2g/0,25g	2g + 0,25g	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền mạch	Lọ	Hộp 10 lọ	CSSX: Labesfal - Laboratórios Almiró, S.A; CSTG: Fresenius Kabi Ipsum S.R.L	CSSX: Bồ Đào Nha; CSTG: Ý	VN-21200-18	Nhóm 2	66.990	435	29.140.650	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
27	Progesterone dạng bột siêu mịn (progesterone micronized)	Utrogestan 200mg	200mg	Viên nang mềm dùng uống hoặc đặt âm đạo	Uống, đặt âm đạo	Viên	Hộp 15 viên (1 vỉ 7 viên + 1 vỉ 8 viên)	Cyndeia Pharma S.L	Spain	840110179823	Nhóm 1	14.848	140	2.078.720	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
28	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Ventolin Inhaler	100mcg/liều xịt	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Xịt theo đường miệng	Bình xịt	Hộp 1 bình xịt 200 liều	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	VN-18791-15	Nhóm 1	76.379	550	42.008.450	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
29	Fluticasone propionate ; Salmeterol xinafoate	Seretide Evohaler DC 25/50mcg	Fluticasone propionate 50mcg; Salmeterol 25mcg/liều	Thuốc phun mù hệ hỗn dịch hít qua đường miệng	Hít qua đường miệng	Bình xịt	Bình xịt 120 liều	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	840110783924 (VN-14684-12)	Nhóm 1	147.425	85	12.531.125	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
30	Sugammadex (dưới dạng sugammadex natri)	Bridion	200mg/2ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ 2ml	CSSX: Patheon Manufacturing Services LLC; CSDG: N.V. Organon; CSXX: Merck Sharp & Dohme B.V.	CSSX: Mỹ, đồng gói: Hà Lan	1110526924	Nhóm 1	1.814.340	5	9.071.700	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
31	Trimetazidin dihydrochloride	Vastarel OD 80mg	80mg	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Egis Pharmaceuticals PLC - Production site of Körmend H-9900 Körmend Mátyás Király u 65; Egis Pharmaceuticals PLC - Production site of Békényföld, H-1165 Budapest Békényföld út 118-120	Hungary	VN3-389-22	Nhóm 1	5.410	1.385	7.492.850	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
32	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) $\geq 103,3$ PFU	Varilrix	$\geq 103,3$ PFU	Bột đông khô và dung dịch pha tiêm	Tiêm dưới da	Lọ	Hộp 1 lọ vắc xin đông khô, 1 bơm tiêm đồng sẵn dung môi hoàn nguyên (0,5ml) và 2 kim tiêm	CSSX: Corixa Corporation dba GlaxoSmithKline Vaccines; CSSX ông dung môi: Calant Belgium S.A.; Aspen Notre Dame de Bondeville; CS xuất xưởng: GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; CS đóng gói: GlaxoSmithKline Biologicals S.A	CSSX: Mỹ; CSSX ông dung môi: Bỉ/ Pháp; CS xuất xưởng: Bỉ; CS đóng gói: Bỉ	001310177800 (QLVX-1139-19)	Nhóm 1	836.164	60	50.169.840	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
33	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin tái tổ hợp từ giả phòng vi-rút HPV ở người typ 6,11,16,18 chứa protein L1 HPV6; 20mcg; protein L1 HPV11: 40mcg; protein L1 HPV16; 40mcg và protein L1 HPV18: 20mcg	Gardasil	0,5ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	Lọ	Hộp 1 lọ x 0,5ml	CSSX thuốc thành phẩm: Merck Sharp & Dohme LLC.; CSDG thứ cấp: Merck Sharp & Dohme B. V	CSSX thuốc thành phẩm: Mỹ; CSDG thứ cấp: Hà Lan	QLVX-883-15	Nhóm 1	1.509.600	60	90.576.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
34	Phòng phong, Hộc giác, Dương quy, Địa du, Chi xác, Hoàng cầm.	Thuốc tỉ Tomoko	Cao khô hỗn hợp được liệu (tương ứng với: Hộc giác 1000mg; Phòng phong 500mg; Dương quy 500mg; Chi xác 500mg; Hoàng cầm 500mg; Địa du 500mg) 350mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần được trung ương Mediplantex	Việt Nam	VD-25841-16	Nhóm 3	4.900	36.000	176.400.000	Công ty cổ phần Dược Meditros Miền Nam
35	Digoxin	DIGOXINEQUA LY	0,25mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 1 vỉ x 30viên	Công ty cổ phần được phẩm 3/2	Việt Nam	893110428024 (VD-31530-19)	Nhóm 4	630	830	522.900	Công ty cổ phần được phẩm 3/2
36	Kim tiền thảo, Chi thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Bình lang, Mộc hương, Đại hoàng.	Bài thạch Abipha	Cao khô Kim tiền thảo: 90mg (tương đương với 1g Kim tiền thảo) Cao khô hỗn hợp được liệu 230mg (tương đương với: Nhân trần 250mg; Hoàng cầm 150mg; Nghệ 250mg; Bình lang 100mg; Chi thực 100mg; Hậu phác 100mg; Bạch mao căn 500mg) Bột Mộc hương 100mg; Bột Đại hoàng 50mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Công nghệ cao Abipha	Việt Nam	TCT-00087-22	Nhóm 3	466	17.500	8.155.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Công nghệ cao Abipha
37	Moxifloxacin (dưới dạng moxifloxacin hydrochlorid) + Dexamethason phosphat (dưới dạng dexamethason natri phosphat)	Dexamoxi	5mg/ml + 1mg/ml; Ông 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Ông	Hộp 1 ông 5ml	Công ty cổ phần được phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893115078500 (VD-26542-17)	NHÓM 4	22.000	170	3.740.000	Công ty cổ phần được phẩm CPC1 Hà Nội

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
38	Naloxon hydrochlorid (dưới dạng Naloxon hydrochlorid dihydrat)	BFS-Naloxone	0,4mg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 10 ống x 1ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893110017800 (VD-23379-15)	Nhóm 4	29.400	125	3.675.000	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
39	Olanzapine	Olanzapin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893110329600	Nhóm 4	192	9.130	1.752.960	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
40	Paracetamol	Panaectol 325mg	325mg	Viên nén	Uống	Viên	Chai 1000 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893100389524	Nhóm 4	82	4.122	338.004	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
41	Olopatadin (dưới dạng olopatadin hydrochlorid)	Tavulop	0,2 %, 5ml	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ nhỏ giọt 5ml	Công ty Cổ Phần Dược Khoa	Việt Nam	VD-35926-22	Nhóm 4	84.798	115	9.751.770	Công ty Cổ phần Dược phẩm Medbolide
42	Đường quý, Bạch truật, Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh, Xuyên khung, Bạch thược	Thập toàn đại bổ	454mg; 302,5mg; 302,5mg; 151,5mg; 75,5mg; 454mg; 151,5mg; 302,5mg; 302,5mg; 151,5mg; 302,5mg	Viên hoàn mềm	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ bấm x 10 hoàn 4,5g	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	VD-22494-15	Nhóm 3	2.835	24.000	68.040.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
43	Adapalen 0,1% (w/w); Benzoyl peroxid (dưới dạng Hydrus benzoyl peroxid) 2,5% (w/w)	Azaduo	0,1% + 2,5%; 30g	Gel bôi da	Dùng ngoài	Tuýp	Hộp 1 tuýp nhôm 30g gel	Công ty CP DP Me Di Sun	Việt Nam	893110223100 (QLDB-684-18)	Nhóm 4	245.000	25	6.125.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚC LONG
44	Acid salicylic 2% (w/w); Betamethason (dưới dạng betamethason dipropionat 0,064% (w/w)) 0,05% (w/w)	Crederm Lotion	2%+ 0,064%/0,05% betamethason	Kem bôi ngoài da	Dùng ngoài	Lọ	Hộp 1 lọ, 40ml	Công ty CP DP Me Di Sun	Việt Nam	893110165225 (VD-32631-19)	Nhóm 4	120.000	25	3.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚC LONG
45	Terbinafine hydrochloride 150mg/15g	Tenafine cream	150mg/15g	Kem bôi ngoài da	Dùng ngoài	Tuýp	Hộp 1 tuýp 15g	Dae Hwa Pharmaceutical Co. Ltd	Hàn Quốc	880100993824 (VN-21848-19)	Nhóm 2	68.000	50	3.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚC LONG
46	Ondansetron	Slandom 8	8mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Sa Vi	Việt Nam	893110165624	Nhóm 2	3.500	70	245.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Sa Vi
47	Cao đặc tam thất (Extractum Panaxis notoginseng spissum) (tương đương 750mg Tam thất)	Hansokgin Tam Thất	120mg	Viên nang	Uống	Viên	Viên nang	Công Ty Cổ phần dược Quốc tế Tùng Lộc	Việt Nam	VD-30995-18	Nhóm 3	3.500	11.180	39.130.000	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Codupha

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
48	Acid amin cho bệnh nhân suy thận	Kidimin	7,2%/200ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Túi	Thùng 20 túi x 200 ml	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	VD-35943-22	Nhóm 4	115.000	250	28.750.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Codupha
49	Dobutamin	Dobutaminehamelin 12,5mg/ml Injection	250mg	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Tiêm	Ống	Hộp 5 ống x 20ml	Siegfried Hameln GmbH	Germany	4001107835524 (VN-22334-19)	Nhóm 1	105.000	85	8.925.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Codupha
50	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Glyceryl Trinitrate-Hameln 1mg/ml	10mg/10ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Ống	Hộp 10 ống 10ml	Siegfried Hameln GmbH	Germany	400110017625 (VN-18845-15)	Nhóm 1	105.000	90	9.450.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Codupha
51	Morphin (hydroclorid, sulfat)	Morphin 30mg	30mg	Viên	Uống	Viên	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 2	Việt Nam	VD-19031-13	Nhóm 4	7.150	175	1.251.250	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Codupha
52	Sevofluran	Sevoflura	250ml	Thuốc gây mê đường hô hấp	Đường Hô Hấp	Chai	Hộp 1 chai 250ml	Piramal Critical Care, Inc	USA	001114017424 (VN-17775-14)	Nhóm 1	1.550.000	310	480.500.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Codupha
53	Cetêpin	Cetêpin 1g	1g	Bột pha tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	VD-21899-14	Nhóm 4	21.275	2.355	50.102.625	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
54	Imipenem + Cilastatin	Bimesia	0,5g + 0,5g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 1 lọ	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	893110679924 (VD-19019-13)	Nhóm 4	43.000	1.200	51.600.000	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
55	Naphazolin	Rhynisol	0,05%, 15ml	Thuốc nhỏ mũi	Nhỏ Mũi	Chai	Hộp 1 chai 10ml	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidiapha Binh Duong	Việt Nam	893100145525 (VD-21379-14)	NHÓM 4	2.100	20	42.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Vidiapha
56	Sorbitol	Sorbitol 5g	5g	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói	Hộp 25 gói 5g	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidiapha Binh Duong	Việt Nam	893100685724	Nhóm 4	504	2.850	1.436.400	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Vidiapha
57	Vitamin C	Cevit 500	500mg	Thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	Tiêm	Ống	Hộp 100 ống 5ml	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidiapha Binh Duong	Việt Nam	893110296200	Nhóm 4	998	1.725	1.721.550	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Vidiapha

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
58	Cefixim	Orenko	200mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	893110072824 (VD-23074-15)	Nhóm 3	1.245	7.280	9.063.600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
59	Ceftazidim	TV-Zidim 1g	1g	Thuốc tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	893110083625	Nhóm 4	9.750	315	3.071.250	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
60	Dextromethorphan HBr	Dextromethorphan 15	15mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	893110394824 (VD-31989-19)	Nhóm 4	130	12.785	1.662.050	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
61	Povidon Iodin	Povidon iodine 10%	10%, 500ml	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Chai/lọ	Chai 500ml	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Việt Nam	893100900624 (VD-28005-17)	Nhóm 4	43.000	3.500	150.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
62	Vitamin B6 + Magnesi lactat dihydrat	Magnesi B6	5mg + 470mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 50 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Việt Nam	893100322824 (VD-28004-17)	Nhóm 4	120	8.650	1.038.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
63	Diphenhydramin hydroclorid	Dimedrol	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 100 ống x 1ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	893110688824	Nhóm 4	893	1.260	1.125.180	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
64	Furosemid	Vinzix 40mg	40mg/4ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 10 vỉ x 5 ống x 4ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	VD-34795-20	Nhóm 4	9.450	180	1.701.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
65	Vitamin E (DL-alpha tocopheryl acetat)	Vinpha E	400IU	Viên nang mềm	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	VD3-186-22	Nhóm 4	505	1.895	956.975	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
66	Meropenem (dưới dạng Meropenem + Natri carbonat khan)	Bironem 1g	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	VD-23138-15	Nhóm 4	21.882	430	9.409.260	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
67	Mỗi gói 4,22g chứa: Glucose khan (dưới dạng glucose monohydrate), Natri clorid, Trinatri citrat khan (dưới dạng trinatri citrat .2H2O), Kali clorid	Oresol new	2,7g + 0,52g + 0,509g + 0,3g	Thuốc bột uống	Uống	Gói	Hộp 20 gói x 4,22g	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	893100125225	Nhóm 4	1.050	75	78.750	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
68	Paracetamol	Biragan 300	300mg	Thuốc đạn	Đặt hậu môn	Viên	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	893100122025 (VD-23136-15)	Nhóm 4	1.890	1.240	2.343.600	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
69	Nước cất pha tiêm	Nước cất pha tiêm 5ml	5ml	Dung môi pha tiêm	Tiêm	Ông	Hộp 10 vỉ x 5 ống x 5 ml	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	893110124925	Nhóm 4	504	10.175	5.128.200	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
70	Tân di hoa, Thăng ma, Xuyên khung, Bạch chỉ, Cam thảo.	KHANG MINH TỶ VIỆT NAM	600mg, 300mg, 300mg, 300mg, 50mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 2 túi x 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khang Minh	Việt Nam	VD-21858-14	Nhóm 3	2.280	36.000	82.080.000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
71	Cefixim	IMEXIME 50	50mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	Gói	Hộp 12 gói x 1g	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	893110136125	Nhóm 2	5.000	100	500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
72	Flunarizin	MIRENZINE 5	5mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	893110484324	Nhóm 3	1.250	8.470	10.587.500	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
73	Glucose khan	GLUCOSE 30%	30%/250ml	Dung dịch tiêm truyền	truyền tĩnh	Chai	Thùng 30 chai 250ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	VD-23167-15	Nhóm 4	13.650	1.000	13.650.000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
74	Glucose khan	GLUCOSE 30%	30%/500ml	Dung dịch tiêm truyền	truyền tĩnh	Chai	Thùng 20 chai 500ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	VD-23167-15	Nhóm 4	14.800	40	592.000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
75	Magnesi sulfat	MAGNESI SULFAT KABI 15%	1,5g/10ml	Dung dịch tiêm	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Ông	Hộp 50 ống x 10ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	VD-19567-13	Nhóm 4	2.900	570	1.653.000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
76	3	MOXIFLOXACIN KABI	400mg/250ml	Dung dịch tiêm truyền	truyền tĩnh	Chai	Hộp 1 chai x 250ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	VD-34818-20	Nhóm 4	36.329	120	4.359.480	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
77	Natri clorid	NATRI CLORID 0,9%	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	truyền tĩnh	Chai	Thùng 12 chai nhựa x 250ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	893110039623	Nhóm 4	11.418	50	570.900	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
78	Natri clorid	NATRI CLORID 0,9%	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	truyền tĩnh	Chai	Thùng 80 chai nhựa x 100ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	893110039623	Nhóm 4	4.334	2.000	8.668.000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
79	Natri clorid	NATRI CLORID 10%	25g/250ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Thùng 30 chai x 250ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	893110902924	Nhóm 4	11.897	225	2.676.825	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
80	Natri bicarbonat	NATRI BICARBONAT 1,4%	3,5g/250ml	Dung dịch tiêm truyền	truyền tĩnh	Chai	Thùng 20 chai x 250ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	893110492424	Nhóm 4	31.973	35	1.119.055	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
81	Neostigmin methylsulfat	NEOSTIGMIN KABI	0,5mg/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm bắp-tiêm tĩnh mạch-tiêm dưới da	Ống	Hộp 10 ống x 1ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	893114038600	Nhóm 4	3.437	225	773.325	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
82	Nước cất pha tiêm	NƯỚC CẤT PHA TIÊM	500ml	Dung môi pha tiêm	Dùng môi pha tiêm	Chai	Thùng 20 Chai x 500ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	VD-23172-15	Nhóm 4	6.630	1.800	11.934.000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
83	Paracetamol + Tramadol hydroclorid	ULTRADOL	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	893111107823	Nhóm 2	896	10.920	9.784.320	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
84	Trimebutin maleat	DECOLIC	24mg	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	Gói	Hộp 20 gói x 1,15g	Công ty cổ phần được phẩm 3/2	Việt Nam	893110199724	Nhóm 4	2.100	100	210.000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
85	Natri clorid + Natri citrat + Kali clorid + Glucose khan + Kẽm (dưới dạng Kẽm Gluconate)	Oremute 5	520mg + 580mg + 300mg + 2700mg + 5mg (35mg)	thuốc bột pha dung dịch uống	Uống	Gói	Hộp 50 gói x 4,148g	Công ty TNHH Liên Doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	893110639524	Nhóm 4	2.500	1.855	4.637.500	Công Ty Cổ Phần O2Pharm
86	Acid ursodeoxycholic	Dourso	200mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	893110318523	Nhóm 4	2.690	100	269.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
87	Aciclovir	Agiclovir 400	400mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	893110204800	NHÓM 4	720	1.000	720.000	Công ty CP DP Agimexpharm
88	Alverin citrat	Spas-agi	40mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	893110431724	Nhóm 4	115	100	11.500	Công ty CP DP Agimexpharm

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
89	Bromhexin HCl	Agri-bromhexine	0,024g/30ml	Dung dịch uống	Uống	Gói	Hộp 30 gói 5ml	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	VD-19310-13	Nhóm 4	1.190	4.705	5.598.950	Công ty CP DP Agimexpharm
90	Èông sulfat	Gysudo	0,25% (K/lt)	Dung dịch dùng ngoài	Dùng ngoài	Chai	Chai nhựa PP 90ml	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	893100100624	Nhóm 4	4.450	200	890.000	Công ty CP DP Agimexpharm
91	Fenofibrat	Lipagim 300	300mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	893110573324	Nhóm 4	380	9.705	3.687.900	Công ty CP DP Agimexpharm
92	Acid folic	Aginoflix 5	5mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	893100333724	Nhóm 4	155	100	15.500	Công ty CP DP Agimexpharm
93	Methyldopa	Agidopa	250mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	893110876924	Nhóm 4	500	275	137.500	Công ty CP DP Agimexpharm
94	Mifepriston	Mifepristone 200	200mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 1 vỉ x 1 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	893110024724	Nhóm 4	46.000	280	12.880.000	Công ty CP DP Agimexpharm
95	Paracetamol	Agimol 80	80mg	Thuốc cồn pha hỗn dịch uống	Uống	Gói	Hộp 10 gói, 30 gói x 1g	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	893100309000	Nhóm 4	265	1.500	397.500	Công ty CP DP Agimexpharm
96	Povidone iodine	Povidone	10%	DD dùng ngoài	Dùng ngoài	Chai	Chai nhựa chứa 125ml	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	893100041923	Nhóm 4	11.350	290	3.291.500	Công ty CP DP Agimexpharm
97	Rabeprazol natri	Rabepagi 10	10mg	Viên nén bao tan trong ruột	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	893110431224	Nhóm 4	790	33.200	26.228.000	Công ty CP DP Agimexpharm
98	Risperidon	Agirisdon 2	2mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	893110205300	Nhóm 4	315	1.560	491.400	Công ty CP DP Agimexpharm
99	Retinyl acetat	Agirenyl	5.000IU	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	893100163425	Nhóm 4	230	4.565	1.049.950	Công ty CP DP Agimexpharm

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SĐK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
100	Ramipril	Ramipril 5	5mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	893110231623	Nhóm 4	1.505	30.000	45.150.000	Công ty CP Dược Medipharco
101	Betahistine dihydrochlorid	VERTIKO 24	24mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Zydus Lifesciences Limited	India	890110020724 (VD-20235-17)	Nhóm 2	2.270	13.930	31.621.100	Công ty CP Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
102	Glimepiride + Metformin hydrochloride	PERGLIM M-2	2 mg + 500mg	Viên nén phóng thích chậm	Uống	Viên	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Inventia Healthcare Limited	India	890110035223 (VD-20807-17)	Nhóm 3	3.000	5.535	16.605.000	Công ty CP Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
103	Ambroxol hydrochloride	Ambroxol Auxilto 30 mg	30mg	viên nén	uống	viên	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	893100112425	Nhóm 2	1.200	7.680	9.216.000	Công ty CPDP Khương Duy
104	Nifedipine	Nifedipin T20 retard	20mg	viên nén bao phim tác dụng kéo dài	uống	viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	893110462724	Nhóm 2	550	1.600	880.000	Công ty CPDP Khương Duy
105	Diocathedral smectit	Stamnece	3g	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	Gói	Hộp 30 gói x 3,7g	Công ty CPDP Nam Hà	Việt Nam	893100889924 (VD-18183-13)	Nhóm 4	2.500	500	1.250.000	Công ty CPDP Nam Hà
106	Vitamin B1 + B6 + B12	SaVi 3B	100mg + 100mg + 150mcg	Viên	Uống	Viên	Hộp 1 túi nhôm x 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SAVA	Việt Nam	893110338324	Nhóm 2	1.540	35.000	53.900.000	Công ty CPDP Nam Hà
107	Desloratadin	Destacure	2,5mg/ 5ml; chai 60ml	Sirô	Uống	Chai	Hộp 1 chai 60ml	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	890100133924	Nhóm 2	62.480	25	1.562.000	Công ty CPTM Dược Phẩm PVN
108	Mupirocin	Atimupicin	2%; 5g	Kem bôi da	Dùng Ngoài	Tuýp	Hộp 1 tuýp 5g	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893100209600 (VD-33402-19)	Nhóm 4	26.500	25	662.500	Công ty TNHH DP Atiphar
109	Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	A.T Noradrenalin e 1mg/ml	4mg/4ml; 4ml	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Tiêm truyền	Ống	Hộp 10 ống x 4ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110361624	Nhóm 4	11.550	265	3.060.750	Công ty TNHH DP Atiphar
110	Pregabalin	Antivic 75	75mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110277023	Nhóm 4	489	150	73.350	Công ty TNHH DP Atiphar
111	Paracetamol + Codeine phosphate (dưới dạng Codem phosphate hemihydrate)	Codalgin Forte	500mg + 30mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Aspen Pharma Pty Ltd	Australia	VN-22611-20	Nhóm 1	3.390	13.835	46.900.650	Công ty TNHH DP Nhất Anh
112	Natri clorid + Natri lactat + Kali clorid + Calci clorid	Lactated Ringer's	3g + 1,6g + 0,135g + 0,2g; 500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai	Chai 500 ml, thùng 20 chai	Công ty Cổ phần IVC	Việt Nam	VD-35955-22	Nhóm 4	6.640	50	332.000	Công ty TNHH DP Phú Phi

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
113	Ringer lactat	Lactated Ringer's 500ml		Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai	Chai 500 ml, thùng 20 chai	Công ty Cổ phần IVC	Việt Nam	VD-35955-22	Nhóm 4	6.640	2.700	17.928.000	Công ty TNHH DP Phú Phi
114	Calci carbonat + Vitamin D3	Vacoccal D1250	1.250mg + 200UI	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược VacoPharm	Việt Nam	893100090025	Nhóm 4	1.400	200	280.000	Công ty TNHH Dược phẩm An Nhân
115	Vitamin B6 + Magnesi lactic dihydrat	Debomin	10mg + 940mg	Viên nén sỏi	Uống	Viên	Hộp 1 tuýp 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	893110071600	Nhóm 4	2.590	13.835	35.832.650	Công ty TNHH Dược phẩm An Nhân
116	Sai hò, Bạch trưât, Gừng tươi, Bạch linh, Dương quy, Bạch thược, Cam thảo, Bạc hà	Tiểu đào	Mỗi viên chứa: Cao khô được liệu 267mg tương đương: Sai hò 257mg; Bạch trưât 257mg; Bạch linh 190,3mg; Dương quy 190,3mg; Bạch thược 190,3mg; Cam thảo 173,1mg; Bạc hà 52mg. Bột mịn được liệu gồm: Bạch linh 66,7mg; Dương quy 66,7mg; Bạch thược 66,7mg; Cam thảo 32,9mg.	Viên nang	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng	Công ty TNHH Dược Phẩm Fito pharma	Việt Nam	VD-21497-14	Nhóm 3	1.600	36.000	57.600.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Fito pharma
117	Bimatoprost + Timolol (dưới dạng Timolol maleat 6,8mg)	Ganfort	0,3mg/ml + 5mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ x 3ml	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	539110019923	BDG	255.990	20	5.119.800	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
118	Bimatoprost	Lumigan	0,3mg/3ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ chứa 3ml dung dịch trong lọ dung tích 5ml	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	539110075023	BDG	252.079	100	25.207.900	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
119	Brinzolamide	Azopt	10mg/ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ 5ml	Alcon Research, LLC	Mỹ	001110009924	BDG	116.700	135	15.754.500	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
120	Cyclosporin	Restasis	0,05% (0,5mg/g)	Nhũ tương nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Ống	Hộp 30 ống x 0,4ml	Allergan Sales, LLC	Mỹ	VN-21663-19	BDG	17.906	335	5.998.510	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
121	Fluorometholon	Flumetholon 0,1	5mg/5ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ 5ml	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Shiga	Nhật	VN-18452-14	BDG	32.172	170	5.469.240	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
122	Olopatadine hydrochloride	Paraday	0,20%	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai	Hộp 1 chai 2,5ml	Alcon Research, LLC.	Mỹ	VN-13472-11	BDG	131.099	50	6.554.950	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
123	Tafloprost	Taflostan	0,0375mg/2,5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ 2,5ml	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Shiga	Nhật	VN-20088-16	BDG	244.799	170	41.615.830	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
124	Tobramycin + Dexamethasone	Tobradex	(3mg + 1mg)/1ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ 5ml	Novartis Manufacturing NV	Bỉ	VN-20587-17	BDG	51.450	35	1.800.750	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
125	Tobramycin + Dexamethasone	Tobradex	(3mg + 1mg)/gram	Mỡ tra mắt	Tra mắt	Tuýp	Hộp 1 tuýp 3,5g	Novartis Manufacturing NV	Bỉ	540110132524	BDG	56.700	35	1.984.500	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
126	Travoprost	Travatan	0,04mg/ml	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ 2,5ml	S.A. Alcon-Couvreur N.V	Bỉ	540110031923	BDG	252.300	20	5.046.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
127	Human Albumin	Albutein 25%	0,25g/ml (25%)	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai	Hộp 1 chai 50ml	Grifols Biologicals LLC	Mỹ	VN-16274-13	Nhóm 1	987.610	10	9.876.100	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
128	Brinzolamide + Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	Azarga	10mg/ml + 5mg/ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ 5ml	Novartis Manufacturing NV	Bỉ	540110079123	Nhóm 1	310.800	85	26.418.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
129	Brinzolamide	Azopt	10mg/ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ 5ml	Alcon Research, LLC	Mỹ	001110009924	Nhóm 1	116.700	85	9.919.500	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
130	Mỗi liều phóng thích (liều qua dầu ngậm) chứa: Budesonid 160mcg/lần hít và formoterol fumarat dihydrat 4,5mcg/lần hít, tương đương một liều chuẩn độ gồm budesonid 200mcg/lần hít và formoterol fumarat dihydrat 6mcg/lần hít	Combiwave FB 200	200mcg + 6mcg	Thuốc hít định liều đang phun mù	Thuốc hít	Bình	Hộp 1 bình xịt 120 liều	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	890110028723	Nhóm 2	248.000	335	83.080.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
131	Budesonide	Budesonide Teva 0,5mg/2ml	0,5mg/2ml	Hỗn dịch khí dung	Đường hô hấp	Ống	Hộp 30 ống 2ml	Norton Healthcare Limited T/A Ivax Pharmaceuticals UK	Anh	500110399623	Nhóm 1	12.000	3.505	42.060.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
132	Bupivacaine hydrochloride tương đương với Bupivacaine hydrochloride anhydrous (khan) 5,00mg trong 1ml	Bupivacaine Augentant 5mg/ml	5 mg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ, thủy tinh, chứa 20ml dung dịch thuốc	Delpharm Tours	Pháp	VN-19692-16	Nhóm 1	49.450	20	989.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
133	Calcipotriol (dưới dạng Calcipotriol monohydrate 52,2mcg) + Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat 0,643mg)	Daivobet	50mcg/g + 0,5mg/g	Thuốc mỡ	Dùng ngoài	Tuýp	Hộp 1 tuýp 15g	LEO Laboratories Limited	Ireland	VN-20354+17	Nhóm 1	288.750	50	14.437.500	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
134	Enoxaparin natri	Gemapaxane	4000IU/0,4ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Bơm tiêm	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	Italfarmaco S.p.A	Ý	800410092123	Nhóm 1	70.000	115	8.050.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
135	Ketorolac tromethamine	Acular	0,5% (w/v)	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ 5ml	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	539110026123	NHÓM 1	67.245	20	1.344.900	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
136	Natri hyaluronat	TeaBalance Ophthalmic solution 0,1%	1mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ 5ml	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	Nhật	VN-18776-15	Nhóm 1	55.200	170	9.384.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
137	Dexamethason + Neomycin sulfat + Polymyxin B sulfat	Maxitrol	(1mg + 3500IU + 6000IU)/ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ đêm giọt 5ml	SA Alcon-Couvreur NV	Bi	VN-21435-18	NHÓM 1	41.800	35	1.463.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
138	Dexamethason + Neomycin sulfat + Polymyxin B sulfat	Maxitrol	(1mg + 3500IU + 6000IU)/gram	Thuốc mỡ tra mắt	Tra mắt	Tuýp	Hộp 1 tuýp 3,5g	Novartis Manufacturing NV	Bi	540110522824	NHÓM 1	51.900	35	1.816.500	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
139	Phenazone + Lidocaine hydrochloride	Otipax	4g/100g (4%) + 1g/100g (1%)	Dung dịch nhỏ tai	Nhỏ tai	Lọ	Hộp 1 lọ 15ml (chứa 16g dung dịch nhỏ tai) kèm ống nhỏ giọt	Biocodex	Pháp	VN-18468-14	Nhóm 1	54.000	85	4.590.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
140	Phenylephrin (dưới dạng phenylephrin hydroclorid)	Phenylephrine Augentant 50 Microgrammes/ml	50mcg/ml	Dung dịch tiêm trong bơm tiêm đóng sẵn	Tiêm	Bơm tiêm	Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn x 10ml	Laboratoire Augentant	Pháp	VN-21311-18	Nhóm 1	194.500	85	16.532.500	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
141	Povidone Iodine	Betadine Gargle and Mouthwash	1% (w/v)	Dung dịch súc họng và súc miệng	Súc họng và súc miệng	Chai	Hộp 1 chai 125ml	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	Cyprus	529100078823	NHÓM 1	56.508	9	508.572	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
142	Povidon iod	Betadine Ointment 10%	10% (K/I)	Thuốc mỡ	Dùng ngoài	Tuýp	Hộp 1 tuýp 40g	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	Cyprus	VN-20577-17	Nhóm 1	51.240	15	768.600	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
143	Mỗi liều hít chứa Salmeterol 25mcg (dưới dạng Salmeterol xinafoate) và Fluticasone propionat 125mcg	Combivave SF 125	25mcg + 125mcg	Thuốc hít định liều	Thuốc hít	Bình	Hộp 1 bình xịt 120 liều	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	890110028823	Nhóm 2	84.000	10	840.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
144	Tafuprost + Timolol (dưới dạng Timolol maleat)	Taptiqom-MD	0,015mg/ml + 5mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ 2,5ml	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Shiga	Nhật	VN-23252-22	Nhóm 5	262.399	20	5.247.980	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
145	Tobramycin + Dexamethasone	Tobradex	(3mg + 1mg)/gram	Mỡ tra mắt	Tra mắt	Tuýp	Hộp 1 tuýp 3,5g	Novartis Manufacturing NV	Bi	540110132524	Nhóm 1	56.700	5	283.500	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
146	Tropicamid + Phenylephrin hydroclorid	Mydrin-P	50mg/10ml + 50mg/10ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ x 10ml	Santen Pharmaceutical Co., Ltd., Nhà máy Shiga	Nhật	499110415423	Nhóm 1	67.500	95	6.412.500	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
147	Cholecalciferol	Aquadetrim vitamin D3	15000 IU/ml	Dung dịch uống	Uống	Lọ	Hộp 1 lọ 10ml	Pharmaceutical Works Polpharma S.A. Medana branch in Sieradz	Ba Lan	VN-21328-18	Nhóm 1	68.000	5	340.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
148	Methyl prednisolon	Methylpredni solone Normon 40 mg Powder for injectable solution	40mg	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp	Lọ	Hộp 1 lọ	Laboratorios Normon, S.A.	Tây Ban Nha	840110444723	Nhóm 1	33.688	1.210	40.762.480	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHAM SALUD
149	Acetylsalicylic acid	Aspirin tab DWP 75mg	75mg	Viên bao tan trong ruột	Uống	Viên	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	VD-33535-21	Nhóm 4	265	44.810	11.874.650	Công ty TNHH Dược phẩm Thế Anh
150	Metronidazole	Metronidazole 0,5g/100ml	500mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	Túi	Thùng 40 túi 100ml	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	VD-34057-20	Nhóm 4	5.700	395	2.251.500	Công ty TNHH Dược Phẩm Trường Khang
151	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Natri Clorid 4500mg	Natri clorid 0,9%	0,9% 500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Chai 500ml, Thùng 20 chai	Công ty Cổ Phần IVC	Việt Nam	VD-35956-22	Nhóm 4	5.356	2.805	15.023.580	Công ty TNHH Dược Phẩm Trường Khang
152	Amlodipine besylate 6,9mg tương đương Amlodipine 5mg, Valsartan 160mg	Vcard-AM 160 + 5	5mg + 160mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Elpen Pharmaceutical Co., Inc	Greece	520110775724	Nhóm 3	13.900	5.535	76.936.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC

STT	Họ/tên chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GP/K	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
153	Pregabalin	Davyca	75mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 14 viên, Hộp 6 vỉ x 14 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	893110882624	Nhóm 2	638	3.590	2.290.420	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
154	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20 IU; Giải độc tố uốn ván: không dưới 40 IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg; Ngưng kết tố hồng cầu dẹt sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt) Typ 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D; Typ 2 (MEF-1): 8 đơn vị kháng nguyên D; Typ 3 (Saukett): 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae typ b (Polyribosylrititol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg	Hexaxim	0,5ml/ liều	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	Bom tiêm	Hộp 1 bơm tiêm nạp 1 liều (0,5ml) và 2 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều (0,5ml) và 20 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều (0,5ml) và 20 kim tiêm; Hộp 10 lọ, lọ 1 liều (0,5ml)	Cơ sở sản xuất: Sanofi Pasteur. Cơ sở kiểm tra chất lượng bản thành phẩm cuối và sản phẩm đã đóng ống, xuất xưởng là vắc xin. Sanofi Pasteur, Cơ sở sản xuất Bản thành phẩm cuối, nạp Bản thành phẩm cuối vào bơm tiêm, hay vào lọ, đóng gói bao bì thứ cấp đối với sản phẩm đóng trong bơm tiêm hay trong lọ, kiểm tra chất lượng Bản thành phẩm cuối và sản phẩm đã đóng ống, xuất xưởng là vắc xin. Sanofi Pasteur	Pháp	300310038123	Nhóm 1	916.650	60	54.999.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
155	Natri valproate; Acid valproic	Depakine Chrono	333,00mg; 145,00mg	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Uống	Viên	Hộp 1 lọ 30 viên	SANOFI WINTHROP INDUSTRIE	Pháp	VN-16477-13	Nhóm 1	6.972	170	1.185.240	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SĐK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
156	Cao khô Đường quý, Cao khô lá bạch quả	Bổ huyết ích não	0.3g, 0.04g	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Nam Dược	Việt Nam	VD-29530-18	Nhóm 3	1.490	14.170	21.113.300	Công ty TNHH Dược Phẩm Y Đông
157	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd + Simethicon	Fumagate - Fort	800mg + 800mg + 100mg	Hỗn dịch uống	Uống	Gói	Hộp 30 gói x 10g	Công ty cổ phần Dược Phẩm Phương Đông	Việt Nam	893100268900	Nhóm 4	3.900	33.200	129.480.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Y Đông
158	Mỗi 81,8mg cao khô hỗn hợp được liệu và 430mg bột hỗn hợp được liệu tương đương với: Thương truật 530mg; Trần bì 270mg; Cam thảo 130mg; Hậu phác 400mg	Stomaps	Mỗi 81,8mg cao khô hỗn hợp được liệu và 430mg bột hỗn hợp được liệu tương đương với: Thương truật 530mg; Trần bì 270mg; Cam thảo 130mg; Hậu phác 400mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 1 lọ x 30 viên, 60 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Phước Sanh Pharma	Việt Nam	VD-32732-19	Nhóm 3	2.200	180.000	396.000.000	Công ty TNHH Dược phẩm Y.A.C
159	Aciclovir	Acypes 200	200mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	893110165823	Nhóm 4	400	100	40.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THÁI
160	Natri clorid	Natri clorid 3%	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Natri clorid 3g	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	Thùng 80 chai x 100ml	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	893110118723	Nhóm 4	7.021	140	982.940	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn
161	Moxifloxacin	Rizicet 400mg	400mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 10 viên	(Cơ sở nhận chuyển giao công nghệ): Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	893615726624	Nhóm 1	48.000	140	6.720.000	Công Ty TNHH SK Quốc Tế
162	Acyclovir	A.T Acyclovir 25 mg/ml	250mg/10ml	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền	Tiêm truyền	Lọ	Hộp 1 lọ, 3 lọ, 5 lọ, 10 lọ x 10ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110056525	Nhóm 4	126.000	35	4.410.000	Công ty TNHH Dược phẩm Helios

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
163	Alfuzosin hydrochloride	Prolufo	10mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	India	VN-23223-22	Nhóm 2	6.000	4.000	24.000.000	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Quốc tế Hưng Thịnh
164	Levetiracetam	Mataver	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Pharmathen S.A	Greece	520110011124	Nhóm 1	14.280	215	3.070.200	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Quốc tế Hưng Thịnh
165	Salicylic acid + betamethason dipropionat	Asosalic	(30mg + 0,5mg)/g. 30g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	Hộp 1 tuýp x 30g	Replek Farm Ltd. Skopje	Macedonia	531110404223	Nhóm 2	95.000	50	4.750.000	CÔNG TY TNHH THUỐC THUỐC MẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ NHÂN TRUNG
166	Montelukast (dưới dạng Natri montelukast)	Meytelukast 5	5mg	Viên nén nhai	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Liên Doanh Meyer-BPC	Việt Nam	893110090724	Nhóm 4	525	100	52.500	Công ty TNHH Dược phẩm Anh Mỹ
167	Dexamethason	Dexamethason	0,5mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 50 vỉ x 30 viên	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	VD-34636-20	Nhóm 4	58	300	17.400	Cty CP Dược Medipharco

Tổng số mặt hàng mua sắm: 167 khoản
Tổng giá mua sắm: 3.528.623.641 đồng

Bảng chữ: Ba tỷ năm trăm hai mươi tám triệu sáu trăm hai nghìn sáu trăm bốn mươi mốt đồng

GIÁM ĐỐC



BS CKII. Trần Ngọc Hải